

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77 - CV/PC3HP.Co-NV

Đăk Nông, ngày 22 tháng 03 năm 2019

“Công bố thông tin định kỳ”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch CK TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Sơn

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại di động: 0935 334 555; Điện thoại cố định: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Loại thông tin công bố: 24h, 72h, Yêu cầu, Bất thường, Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2018 của DRL

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: (0261) 3684 888 Fax: (0261) 3684 666

Email: thuydiendl3@gmail.com

Website: www.pc3hp.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PC3 HP.Co

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**



PC3 HP.Co

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3
Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3
Tên viết tắt	PC3.HP.Co
Tên Tiếng Anh	Hydro Power Joint Stock Company – Power No.3
Mã cổ phiếu	DRL
Vốn điều lệ	95.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
Điện thoại	0261 3684 888
Fax	0261 3684 666
Email	thuydiendl3@gmail.com
Website	www.pc3hp.com.vn
Vốn chủ sở hữu	127.813.020.608 đồng
Đăng ký DN	Số 0400456277 thay đổi lần thứ 4 ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp

I. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

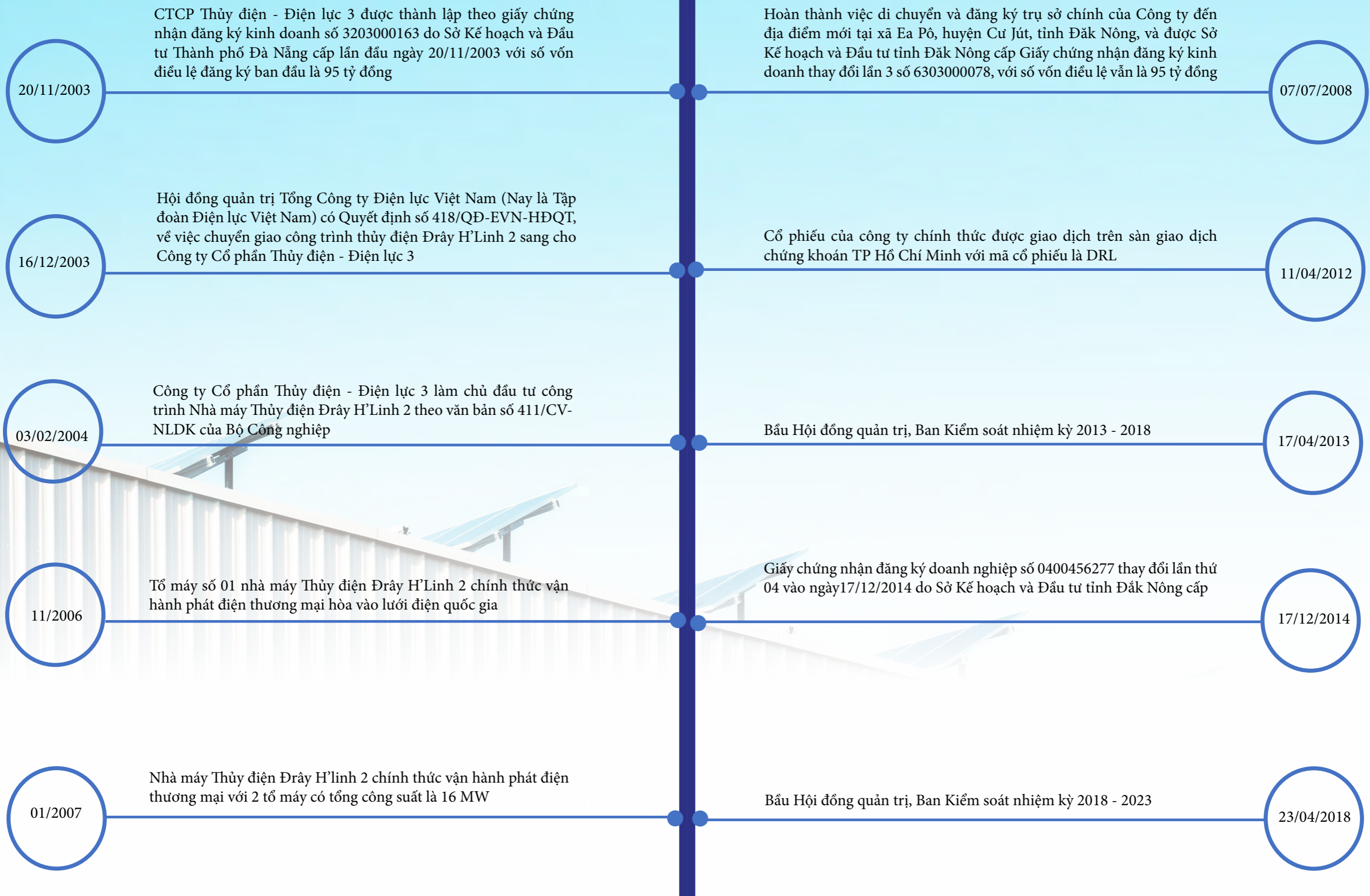
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án điện;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn các công trình điện.

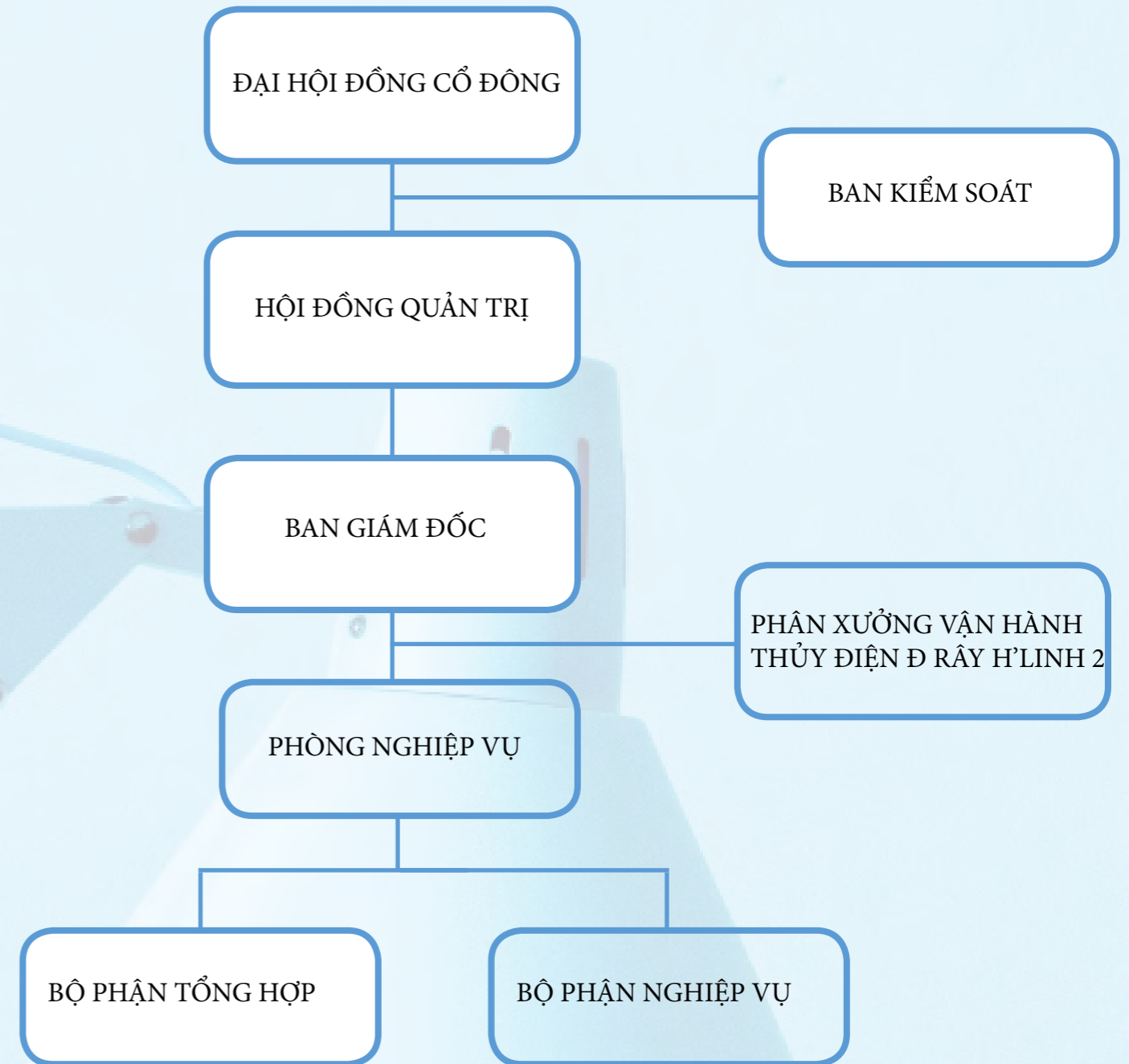
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Cơ cấu quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần. Công ty được tổ chức gọn nhẹ để tối ưu hóa chi phí giúp đem đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

💡 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn và hiệu quả, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch hàng năm để ra, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông của Công ty

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Thời gian qua Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thể hiện qua đề án bảo vệ môi trường, chi tiết đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ- BTNMT ngày 07/03/2013. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện tại, công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai gần, để khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty. Đặc biệt nghiên cứu để triển khai các dự án năng lượng mặt trời trong thời gian tới



💡 CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017, đã vượt mức kế hoạch 6,7% và là mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm qua kể từ năm 2008, đồng thời tăng trưởng kinh tế đạt đồng đều trên tất cả các lĩnh vực cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng và ngày càng mở rộng. Năm 2018 là một năm đầy dấu ấn với nền kinh tế Việt Nam khi tham gia vào Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA đang có triển vọng được Nghị viện châu Âu

phê chuẩn vào năm 2019, điều này sẽ đem đến cho Việt Nam sự tác động toàn diện về kinh tế, chính trị, đối ngoại trong giai đoạn sắp tới. Cơ hội mở ra cho Việt Nam là những ưu đãi về thuế quan, tiềm năng về xuất nhập khẩu, mở cửa dịch vụ, cải tiến khoa học công nghệ, cơ hội tham gia sâu hơn và rộng hơn vào chuỗi cung ứng trong khu vực và thế giới,... điều này sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của nền kinh tế thông qua sự phát triển của các ngành nghề trong nền kinh tế. Công ty Cổ

phần Thủy điện – Điện lực 3 hoạt động chủ yếu trong ngành sản xuất điện năng, là nguồn cung cấp đầu vào quan trọng của tất cả các đối tượng xã hội và ngành nghề trong nền kinh tế, có thể thấy đây là một cơ hội thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của Công ty.



💡 CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro pháp luật

Trong giai đoạn Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và tăng cường hội nhập vào nền kinh tế thế giới như hiện nay, Chính phủ cũng đồng thời thực hiện cải cách, cập nhật những thay đổi trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Do đó, những thay đổi của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Luật Thủy Lợi, Luật Khí tượng, Luật Tài nguyên nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,... sẽ tác động trực tiếp đến tình hình quản trị cũng như hoạt động kinh doanh khi có những đổi mới trong các quy định này.

Cụ thể trong năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 114/2018/NĐ-CP “Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước” quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước.

Quy định này yêu cầu Công ty thường xuyên kiểm tra, quan sát để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, hồ chứa nước với mức độ an toàn cao trong công tác vận hành quản lý.

Bên cạnh đó, vào tháng 11 năm 2018 Bộ tài chính đã tổ chức Hội thảo đóng góp ý kiến cho dự thảo Luật Chứng khoán sửa đổi nhằm tiếp thu ý kiến của tất cả các thành phần liên quan đến thị trường và hướng tới việc hoàn thành bộ luật này. Việc xây dựng Luật Chứng khoán sửa đổi nhằm hoàn thiện thể chế, ổn định môi trường pháp lý cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 nói riêng cần theo dõi và cập nhật liên tục những thay đổi của Luật chứng khoán sửa đổi cũng như các bộ luật có liên quan khác để kịp thời áp dụng những quy định mới vào công tác quản lý doanh nghiệp nhằm tạo nên môi trường kinh doanh ổn định, giúp Công ty hoạt động hiệu quả.



Rủi ro về thời tiết

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro có ảnh hưởng lớn tới các công ty sản xuất điện bằng thủy năng. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy sản xuất điện phụ thuộc phần lớn vào nguồn năng lượng nước được tái tạo và dự trữ. Trong trường hợp mùa khô kéo dài, lượng mưa giảm làm lượng nước tích trữ trong hồ, đập thủy điện ít hơn, sẽ làm giảm sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Bên cạnh đó, nếu mùa mưa kéo dài với những cơn mưa lớn hay gặp lũ quét và sạt lở có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây những sự cố về phát điện và làm tăng chi phí sửa chữa.

Theo Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), năm 2018 là năm thứ tư liên tiếp bề mặt trái đất có nhiệt độ trung bình cao nhất, kể từ đợt nóng kỷ lục được xác lập hồi năm 2015 và trong năm 2018 Việt Nam cũng đã gánh chịu liên tiếp những thiệt hại nghiêm trọng từ hàng trăm đợt thiên tai, mà nguyên nhân chủ yếu là do biến đổi khí hậu.

Theo Tổng cục Thống kê năm 2018, tổng thiệt hại do thiên tai cả nước ước tính 15,7 nghìn tỷ đồng, trong đó xảy ra nhiều thiên tai nguy hiểm như lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, dông, lốc sét,... gây ra thiệt hại rất lớn về người và tài sản. Điều kiện tự nhiên thủy văn không thuận lợi là yếu tố gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình đó, Công ty cần luôn quan tâm chú trọng theo dõi tình hình khí hậu và thủy văn, biến đổi về môi trường để có những chiến lược phát triển và những phương án dự phòng hiệu quả.

💡 CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro về năng lượng thay thế

Dự báo đến năm 2030, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ở mức độ cao kéo theo tăng trưởng về nhu cầu năng lượng, điều này đặt ra một thách thức lớn khi các nguồn năng lượng sơ cấp như thủy năng, than đá, dầu khí,... đang dần cạn kiệt, dẫn đến sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, những vấn đề về bảo vệ môi trường đang dần điều chỉnh ngành năng lượng phát triển những nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, địa nhiệt,... làm gia tăng rủi ro năng lượng thay thế trong ngành. Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 cần thay đổi và mở rộng phát triển nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, không gây ô nhiễm môi trường, đồng thời thường xuyên kiểm tra nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, góp phần gia tăng cạnh tranh trên thị trường và phát triển nền kinh tế xanh của đất nước.

Rủi ro chính sách và an toàn kỹ thuật

Việc đảm bảo trong công tác thực hiện đúng các quy định về chính sách đảm bảo an toàn kỹ thuật là điều kiện quan trọng để Công ty hoạt động hiệu quả. Năm 2018, Bộ Công thương đã siết chặt quản lý, giám sát các công trình thủy điện nhằm đảm bảo an toàn cho khu vực hạ du. Cùng với việc áp dụng kịp thời những quy định mới của các bộ luật có liên quan, để đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động sản xuất và cung cấp điện năng Công ty cần thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, xử lý và khắc phục kịp thời các nguy cơ mất an toàn cho đập, công trình; chủ động phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong công tác cảnh báo, thông tin về vận hành, xả lũ để bảo đảm an toàn trước những thiên tai bão, lũ có thể xảy ra vào mùa mưa.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro khác như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh,...thường hiếm khi xảy ra nhưng khi xảy ra thường để lại hậu quả nghiêm trọng về tính mạng và tài sản ảnh hưởng đến sự ổn định và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty cần thường xuyên theo dõi, kiểm tra để đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy; đồng thời liên tục cập nhật tình hình thông tin về thời tiết, chính trị, xã hội để kịp thời có những biện pháp để phòng hợp lý trước những nguy cơ thiên tai, chiến tranh nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất khi có rủi ro xảy ra.

Rủi ro về chính sách quản lý giá điện

Với đặc thù của ngành sản xuất điện năng, giá bán điện do cơ quan Nhà nước quản lý và phê duyệt. Tuy giá bán điện chịu sự quản lý gắt gao nhưng bù lại các hợp đồng mua bán điện được ký trong khoảng thời gian dài sẽ được đảm bảo đầu ra góp phần giữ ổn định trong doanh thu của Công ty. Tuy nhiên khi các khoản chi phí đầu vào sản xuất tăng lên sẽ ảnh hưởng đến giá thành điện năng và doanh thu của Công ty. Từ khi ký kết hợp đồng với bên mua điện là Tổng Công ty Điện lực miền Trung và áp dụng biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công thương ban hành đến nay thì giá bán điện trung bình hàng năm của Công ty được điều chỉnh tăng từ 5 - 10%. Hiện nay, EVN đảm bảo mua lại tất cả sản lượng điện của nhà máy thủy điện nhỏ với mức giá quy định hằng năm. Do vậy, rủi ro với các bên liên quan trong việc mua bán điện là hầu như không có vì sản lượng đầu ra được đảm bảo toàn bộ, giá bán điện đã niêm yết hằng năm.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

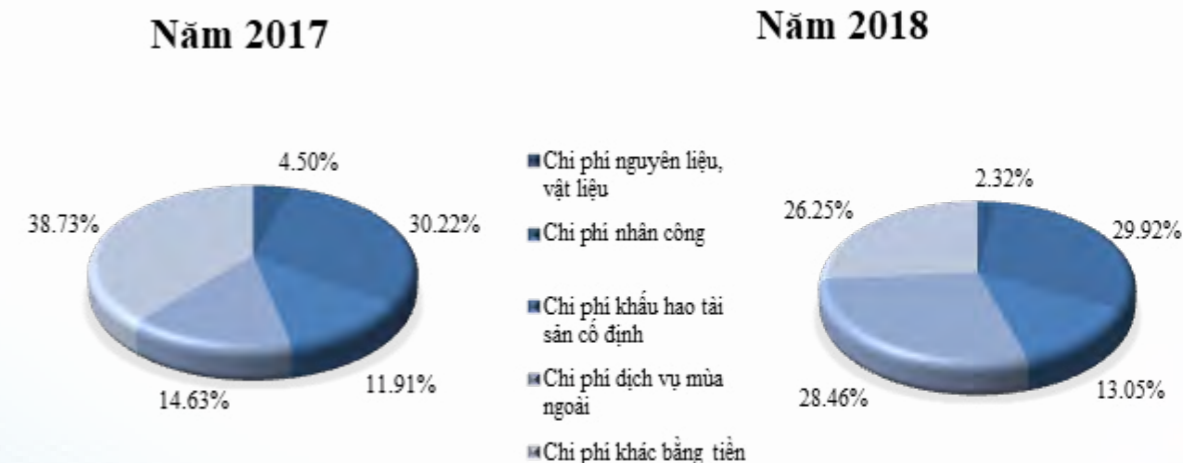
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm 2018/ 2017
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	96,37	68,25	-29,18%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	103.783	87.708	-15,49%
2.1	Doanh thu bán điện thương phẩm	Triệu đồng	100.519	84.334	-16,10%
2.2	Doanh thu bán phế liệu	Triệu đồng	-	7,8	-
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	39.977	35.930	-10,12%
3.1	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	29.395	26.911	-8,45%
3.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	6.647	5.733	-13,74%
3.3	Chi phí khác	Triệu đồng	-	3,75	-
3.4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	3.935	3.282	-16,60%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	67.741	55.061	-18,72%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	63.806	51.780	-18,85%
6	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/CP	6.266	5.132	-18,01%



Năm 2018, sản lượng điện thương phẩm của Công ty đạt 68,25 triệu kWh giảm 29,18% so với năm 2017. Tổng doanh thu đạt 87,7 tỷ đồng giảm 15,49% so với cùng kỳ, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ bán điện thương phẩm, trong năm 2018 Công ty có phát sinh thêm 7,8 triệu đồng doanh thu bán phế liệu. Nguyên nhân chủ yếu làm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sụt giảm là do điều kiện thời tiết không thuận lợi, hiện tượng La Nina từ nửa đầu năm 2018 bắt đầu giảm so với cuối năm 2017, đặc biệt suy yếu cuối năm 2018, lượng nước về để phục vụ cho sản xuất

điện không như kỳ vọng. Bên cạnh đó trong năm, Công ty ngừng vận hành tổ máy số 01 để phục vụ công tác tu dưỡng thay trục rotor làm gia tăng một khoản lớn trong chi phí dịch vụ mua ngoài từ 5,28 tỷ đồng lên 9,29 tỷ đồng, nên sản lượng và doanh thu trong năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu giảm kéo theo lợi nhuận giảm, lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty đạt 51,78 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 18,85% so với cùng kỳ năm 2017. Do đó, làm giảm lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu từ 6.266 đồng (năm 2017) xuống còn 5.132 đồng (năm 2018).



Trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng lớn. Người lao động là thành phần không thể thiếu và là tư liệu lao động quan trọng trong vận hành nhà máy, nhất là đối với công ty có ít nhân sự như DRL, lương thưởng của người lao động tuy giảm 10,3% so với năm 2017, nhưng có tổng giá trị hơn 9,7 tỷ đồng. Mức chi trả này phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng năm nên mức lương năm 2018 có phần sụt giảm do điều kiện kinh doanh không thuận lợi trong năm. Tuy nhiên, Công ty vẫn chi trả một mức xứng đáng với công sức để khuyến khích cán bộ công nhân viên trong công việc.

Trong năm 2018, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng cao từ 5,3 tỷ đồng lên 9,3 tỷ đồng đến từ hoạt động thuê dịch vụ sửa chữa bên ngoài để tu sửa tổ máy số 01, do nhân sự tại Công ty ít, hoạt động sửa chữa thường xuyên trong năm không phát sinh lớn, mật độ không dày nên Công ty chủ yếu sử dụng dịch vụ sửa chữa bên ngoài nhằm tiết kiệm chi phí tối đa, điều này cũng có thể giải thích đối với các chi phí khác bằng tiền luôn ở mức cao và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của DRL. Tài sản cố định của Công ty đã được đầu tư lâu năm nên chi phí khấu hao ổn định qua các năm, với tỷ trọng khoảng 10% - 15% trong cơ cấu chi phí. Còn lại là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ, không đáng kể bởi đặc thù ngành, nghề kinh doanh của Công ty thủy điện như DRL.

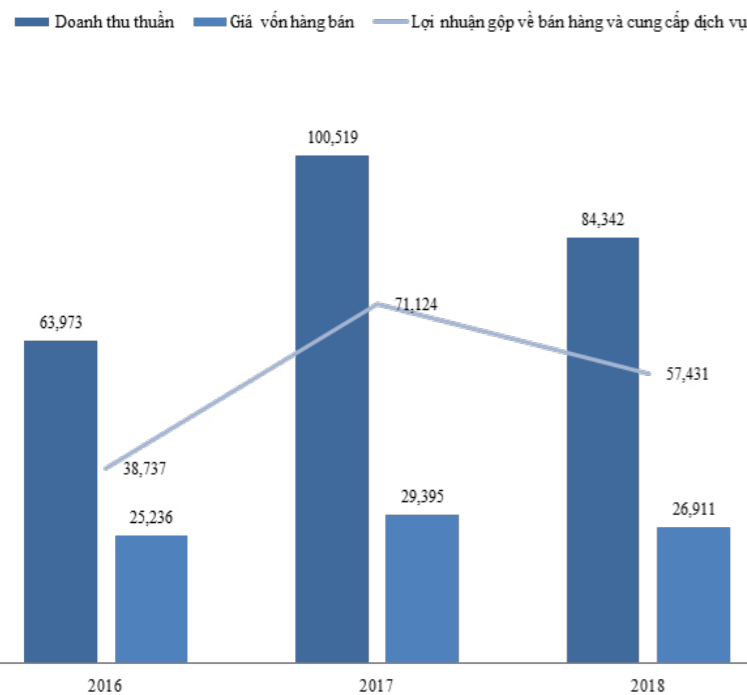
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% Tăng, giảm Thực hiện/Kế hoạch
Tổng doanh thu	Triệu đồng	85.015	87.709	103,17%
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Triệu đồng	49.154	55.061	112,02%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	46.046	51.780	112,45%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4.847	5.132	112,45%
Cổ tức dự kiến	%/VĐL	45,53	51,32	112,72%

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 đạt 84,34 tỷ đồng giảm 16,09% so với doanh thu thuần năm 2017, tuy nhiên vẫn đạt mức cao hơn năm 2016. Giá vốn hàng bán năm 2018 giảm 8,45% từ 29,4 tỷ đồng còn 26,91 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán năm 2018 của DRL chiếm khoảng 31,91% so với doanh thu thuần nên biên lợi nhuận gộp khá cao với 68,09% trong năm nay. Với mức lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2018 là 51,78 tỷ đồng đạt 112,45% so với kế hoạch đề ra theo Nghị quyết. Trong năm 2018, Công ty vẫn được hưởng ưu đãi về thuế, cụ thể Nhà máy thủy điện Đrây H' Linh 2:

- Thuế TNDN là 0% từ năm 2007 đến năm 2010;
 - Thuế TNDN là 5% từ năm 2011 đến năm 2019;
 - Thuế TNDN là 10% từ 2019 đến năm 2021;
 - Thuế TNDN trở lại mức bình thường sau năm 2021.

Năm 2018, Công ty vẫn được hưởng những ưu đãi về thuế giúp Công ty giảm trong chi phí thuế thu nhập hiện hành, kéo theo giảm trong tổng chi phí. Đây vẫn là một lợi thế của Công ty trong những năm tới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm



Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 có phần sụt giảm so với năm 2017, tuy nhiên vẫn giữ ở mức cao hơn năm 2016 và có một số chỉ tiêu vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 để ra. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 103,17%, lợi nhuận trước thuế đạt 112,02%, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 112,45% và lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 112,45% so với kế hoạch đề ra trong Nghị quyết. Những chỉ tiêu vượt kế hoạch cho thấy Ban lãnh đạo Công ty đã lường trước được những khó khăn và thực hiện tốt công tác quản lý giúp hoạt động kinh doanh của Công ty vượt mục tiêu kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông **LÊ KIM HÙNG**
 Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1956
 Nguyên quán: Thành phố Đà Nẵng
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

+ 1975 - 1980: Bộ đội Viện quân y 17 Quận khu 5
 + 1980 - 1981: Học văn hóa Trường Văn hóa Quận khu 5
 + 1981 - 1986: Học trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
 + 1986 - 1990: Công tác tại xí nghiệp chế biến gỗ Hòa Vang, Đà Nẵng
 + 1990 - 08/2016: Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty điện lực Miền Trung
 + 2017 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Ông **NGUYỄN SƠN**
 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1960
 Nguyên quán: Thừa Thiên - Huế
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

+ 1985 - 1988: Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình Thủy điện Đrây H' Linh
 + 1989 - 1990: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình Thủy điện Đrây H' Linh
 + 1991 - 2003: Trưởng phòng Vật tư vận tải - Điện lực Đắk Lắk
 + 2003 - 2005: Quản đốc phân xưởng Thủy điện - Điện lực Đắk Lắk
 + 2005 - 2007: Phó phòng Giám đốc CTCP Thủy điện - Điện lực 3
 + 10/2007 - nay: Giám đốc CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Ông **NGUYỄN MINH TIẾN**
 Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1950
 Nguyên quán: Quảng Trị
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

+ 1972 - 1975: Tham gia Quân đội
 + 1975 - 1978: Học Đại học Bách Khoa
 + 1978 - 2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, chức vụ Phó Giám đốc
 + 2010 - 2013: Nghỉ hưu
 + 2013 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Ông **NGUYỄN XUÂN DŨNG**
 Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956
 Nguyên quán: Nghệ An
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

+ 1979 - 1981: Công tác tại Công ty Điện lực Đà Nẵng
 + 1982 - 1983: Tham gia NVQS tại Bộ tham mưu, Quận khu 5
 + 1984 - 1990: Công tác tại Công ty Điện lực Đà Nẵng
 + 1991 - 2006: Công tác tại Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 + 2006 - 2016: Giám đốc Công ty Lưới điện cao thế Miền Trung
 + 2016 - 04/2018: Nghỉ hưu
 + 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Ông **LÂM UYÊN**
 Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1961
 Nguyên quán: Quảng Ngãi
 Trình độ văn hóa: Đại học
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ 1984 - 1990: Kế toán trưởng Ban QLDA công trình thủy điện A Đầm
 + 1990 - 1993: Phó phòng Tài chính Ban QLDA công trình thủy điện IALY
 + 1993 - 1995: Chuyên viên phòng Tài chính Công ty điện lực 3
 + 1995 - 2005: Kế toán trưởng Ban quản lý dự án lưới điện (CPC)
 + 2005 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Miền Trung
 + 2018 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện - Điện lực 3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông **TRẦN THANH HÀ**

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1982

Nguyên quán: Hải Hậu - Nam Định

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chuyên ngành Tài chính - Kế toán

+ 04/2007 - 08/2008: Chuyên viên Phòng Tài chính - Công ty Điện lực Đắk Nông

+ 09/2008 - 19/05/2016: Kế toán tổng hợp làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

+ 20/05/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách tại Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Bà **HOÀNG THỊ THU TRANG**

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1980

Nguyên quán: Hải Hậu - Nam Định

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán

+ 1998 - 2002: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán

+ 2002 - 2006: Kiểm toán viên thuộc Phòng Kiểm toán Doanh nghiệp 3 - Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC).

+ 2007 đến nay: Chuyên viên thuộc Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Điện lực Đắk Lắk

+ 20/05/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát tại CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Bà **VŨ THỊ KIỀU VÂN**

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1980

Nguyên quán: Ninh Bình

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán

+ 08/2002 - 02/2005: Kế toán Chi nhánh Công ty liên doanh vận tải hỗn hợp Việt Nhật tại Đà Nẵng

+ 01/03/2005 đến nay: Làm việc tại Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

+ 23/04/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát tại CTCP Thủy điện - Điện lực 3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông **NGUYỄN SƠN**

Giám đốc

Năm sinh: 1960

Nguyên quán: Thừa Thiên - Huế

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

+ 1985 - 1988: Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình Thủy điện Đrây H'Linh

+ 1989 - 1990: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình Thủy điện Đrây H'linh

+ 1991 - 2003: Trưởng phòng Vật tư vận tải - Điện lực Đắk Lắk

+ 2003 - 2005: Quản đốc phân xưởng Thủy điện - Điện lực Đắk Lắk

+ 2005 - 2007: Phó phòng Giám đốc CTCP Thủy điện - Điện lực 3

+ 10/2007 đến nay: Giám đốc CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Ông **VŨ ĐÌNH THANH TUẤN**

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1978

Nguyên quán: Quảng Ngãi

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

+ 1995 - 2000: Sinh viên Đại học Sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh

+ 2000 - 2005: Công tác tại Phân xưởng Thủy điện - Điện lực Đắk Lắk

+ 2005 - 2008: Chuyên viên phòng Khoa học Kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

+ 2008 đến nay: Quản đốc Phân xưởng vận hành, Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3

+ 01/02/2015: Phó Giám đốc CTCP Thủy điện - Điện lực 3

Ông **PHẠM ĐỨC HÙNG**

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1965

Nguyên quán: Hưng Yên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ 1983 - 2004: Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, Phó Trưởng phòng Kế toán

+ 2004 - 2008: Công tác tại Điện lực Đắk Nông, Trưởng phòng Kế toán

+ 2008 - 2011: Trưởng phòng Nghiệp vụ tại CTCP Thủy điện - Điện lực 3

+ 2011 đến nay: Công tác tại CTCP Thủy điện - Điện lực 3, chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGĐ trong năm 2018

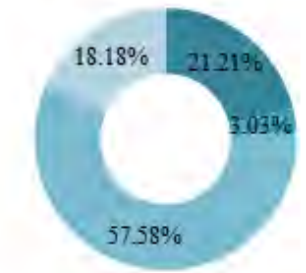
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Xuân Dũng	TV Hội đồng quản trị	23/04/2018	
2	Ông Lâm Uyên	TV Hội đồng quản trị	23/04/2018	
3	Ông Nguyễn Văn Đức	TV Hội đồng quản trị		23/04/2018
4	Ông Nguyễn Đức Trọng	TV Hội đồng quản trị		23/04/2018
5	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Kiểm soát viên	23/04/2018	
6	Ông Hồ Thăng Thu	TV Ban Kiểm soát		23/04/2018

Số lượng lao động năm 2018

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	33	100,00%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	07	21,21%
2	Trình độ trung cấp	01	3,03%
3	Công nhân kỹ thuật	19	57,58%
4	Lao động phổ thông	06	18,18%
B	Phân loại hợp đồng lao động	33	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	33	100,00%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm	-	-
C	Theo giới tính	33	100,00%
1	Nam	31	93,94%
2	Nữ	2	6,06%

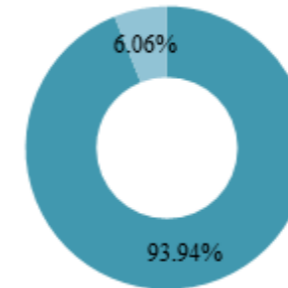
Công ty hiện có 33 cán bộ công nhân viên, trong đó cơ cấu theo trình độ có tỷ trọng cao nhất là công nhân kỹ thuật cao nhất chiếm 57,58%, tương ứng với số lượng 19 người. Hoạt động trong ngành điện năng Công ty cần nhiều lao động có trình độ chuyên môn cao, yêu cầu về kỹ thuật và vận hành máy móc thiết bị, nhà máy thủy điện. Với đặc thù ngành sản xuất và kinh doanh điện năng, Công ty có cơ cấu lao động phù hợp với với đặc điểm hoạt động.

Theo trình độ



■ Trình độ đại học, cao đẳng ■ Trình độ trung cấp
■ Công nhân kỹ thuật ■ Lao động phổ thông

Theo giới tính



■ Nam ■ Nữ

Công ty hoạt động trong ngành sản xuất và cung ứng điện năng nên làm việc trong môi trường vất vả, yêu cầu cao về kỹ thuật để vận hành nhà máy, máy móc thiết bị nên cần nhiều lao động có sức khỏe và chuyên môn. Do đó, Công ty có đến 93,94% trong cơ cấu theo giới tính là nam tương ứng với 31 người, còn lại là 2 lao động nữ chủ yếu làm công việc phòng ban hành chính, tương ứng tỷ lệ 6,06%.

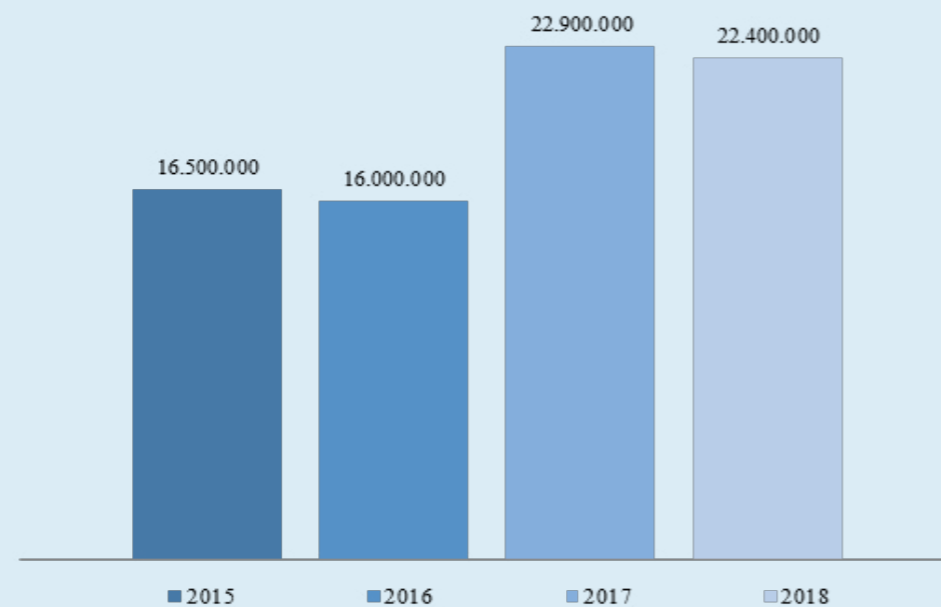


Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	32	33	33	33
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.500.000	16.000.000	22.900.000	22.400.000

Số lượng người lao động của Công ty vẫn giữ nguyên 33 người từ năm 2016 đến năm 2018. Công ty có 02 tổ máy công suất nhỏ, hoạt động chủ yếu là vận hành máy móc thiết bị nên lượng nhân công không nhiều, giúp tiết giảm chi phí nhân công. Thu nhập bình quân đầu người của Công ty nhìn chung gia tăng từ giai đoạn 2015 - 2018, năm 2018 thu nhập là 22.400.000/đồng/người/tháng. Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo và tuyển dụng nhằm nâng cao chất lượng lao động, thu hút và giữ chân nhân tài, người lao động có chuyên môn cao ở lại làm việc cùng Công ty. Công ty luôn cố gắng tạo môi trường làm việc năng động, hiện đại, chuyên nghiệp và thân thiện để người lao động có thể phát huy tối đa khả năng trong công việc cũng như học hỏi thêm kiến thức, giúp phát triển cá nhân và doanh nghiệp.

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, nhân viên các bộ phận tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ... Bên cạnh đó, chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.



Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Do đó, để thu hút nhân tài và tạo nên sự gắn kết lâu dài của cán bộ công nhân viên, giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty, Ban điều hành đã đề ra các chính sách lương, thưởng rõ ràng, công khai và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực mà họ đang phụ trách.



Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc hiện đại, năng động, thân thiện và cân bằng cho cán bộ công nhân viên. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng của bản thân đồng thời phát triển, mở rộng vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực và trí tuệ luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng xây dựng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo sự công bằng và hài lòng cho nhân viên. Các chế độ, chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn, chế độ nghỉ dưỡng, phụ cấp thâm niên, trang bị đồng phục, hỗ trợ nghỉ việc, hưu trí,... đều thực hiện đầy đủ cho người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

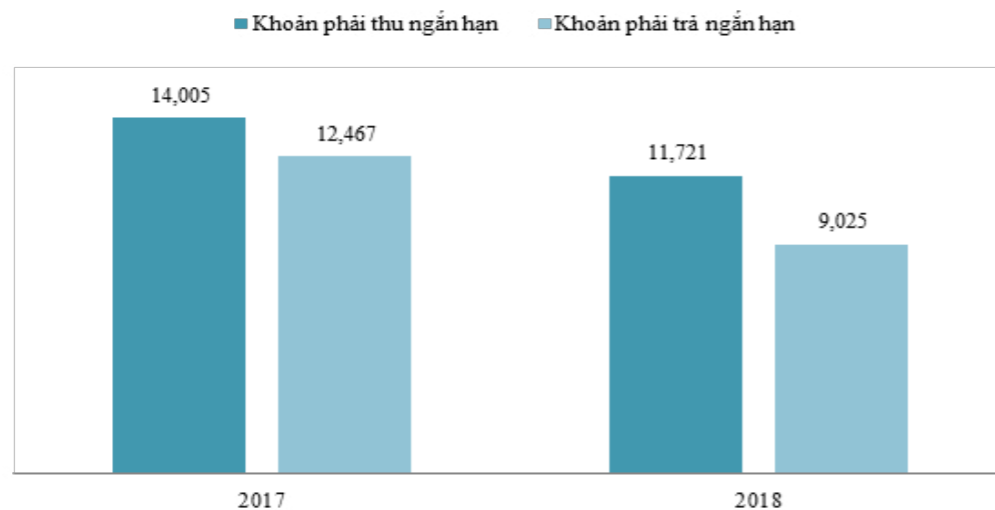
Trong năm 2018, Công ty không thực hiện đầu tư dự án.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.005	11.721	-16,31%
Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.828	10.776	9,65%
Trả trước cho người bán	2.948	328	-88,86%
Các khoản phải thu khác	1.697	1.084	-36,13%
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(468)	(468)	0,00%
Khoản phải trả ngắn hạn	12.467	9.025	-27,61%
Phải trả người bán	2.036	240	-88,24%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.118	3.516	-14,60%
Phải trả người lao động	2.174	1.991	-8,42%
Chi phí phải trả	983	1.088	10,73%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43	44	3,89%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.113	2.145	-31,1%

Các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn



Năm 2018, các khoản phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn của Công ty đều giảm ở mức thấp hơn so với năm 2017. Trong đó các khoản phải thu giảm từ 14 tỷ đồng xuống còn 11,7 tỷ đồng, giảm 16,31%; các khoản phải trả giảm từ 12,47 tỷ đồng xuống còn hơn 9 tỷ đồng, giảm 27,61% so với cùng kỳ năm trước.

Trong các khoản phải thu, phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty trong năm 2018 tăng 9,65% so với năm 2017 từ 9,83 tỷ đồng lên 10,78

tỷ đồng là khoản phải thu đến từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.

Tuy nhiên, khoản phải thu trong năm 2018 giảm do nguyên nhân chủ yếu đến từ giảm trong khoản mục trả trước người bán từ 2,95 tỷ đồng xuống còn 328 triệu đồng, tương ứng với mức giảm tới 88,86%. Thêm vào đó các khoản phải thu khác cũng giảm chỉ còn 1,08 tỷ đồng, tương ứng giảm 36,13%.

Các khoản phải trả trong năm 2018 của Công ty cũng giảm đáng kể 27,61% từ 12,46 tỷ đồng xuống còn khoảng 9 tỷ đồng là một tín hiệu đáng mừng, làm giảm nợ của Công ty. Nguyên nhân chủ yếu giúp Công ty giảm số dư nợ phải trả là do trong năm 2018 Công ty đã thanh toán gần 90% nợ phải trả cho các nhà cung cấp của Công ty làm số dư nợ phải trả người

bán giảm từ 2 tỷ đồng năm 2017 chỉ còn lại 240 triệu đồng. Cùng với đó, khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và tiền lương phải trả người lao động của Công ty cũng giảm lần lượt 14,60% và 8,42% so với năm 2017 cũng đã góp phần làm giảm nợ ngắn hạn. Năm 2018, Công ty có khoản gia tăng 10,73% tiền chi phí dịch vụ rừng và 3,89% các khoản phải trả

khác, tuy nhiên lượng gia tăng không đáng kể.

Sắp đến trong năm 2019, là năm cuối Công ty được giảm thuế 50% trong thu nhập chịu thuế, điều này sẽ làm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty gia tăng, đây sẽ là một khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và kiểm soát chi phí giai đoạn sắp đến.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	41.058.847.581	66.586.662.609	43.459.206.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	3.181.100.423	2.162.911.618	3.304.758.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(30.400.000.000)	(48.459.011.155)	(61.750.000.000)
Tổng	13.839.948.004	20.290.563.072	(14.986.035.085)

Năm 2018, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 43,5 tỷ đồng giảm 34,73% so với dòng tiền từ hoạt động kinh doanh năm 2017, nguyên nhân là do giảm trong doanh thu bán điện thương phẩm và Công ty đã thực hiện chi trả cho nhà cung cấp 15,77 tỷ đồng trong năm. Dòng tiền từ hoạt động đầu tư tăng từ 2 tỷ đồng lên 3,37 tỷ đồng trong năm 2018 nhờ khoản gia tăng trong tiền gửi mà Công ty đã tận dụng nguồn vốn nhân rồi để gửi ngân hàng. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho cổ đông ba lần bằng tiền mặt nên làm dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính đạt

- 61,75 tỷ đồng. Công ty chi trả cổ tức cao cho cổ đông do chưa có kế hoạch tái đầu tư.

Năm 2017, lưu chuyển tiền thuần của Công ty là 20,29 tỷ đồng, tuy nhiên sang năm 2018 lưu chuyển tiền thuần của Công ty là -14,99 tỷ đồng, giảm rõ rệt so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu làm dòng tiền lưu chuyển tiền thuần có giá trị âm trong năm 2018 là do sụt giảm trong dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, và gia tăng trong việc chi trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông làm dòng tiền từ hoạt động tài chính cũng giảm mạnh. Lưu chuyển tiền thuần có giá trị âm làm cho tiền và các

khoản tương đương tiền cuối kỳ giảm từ 90,35 tỷ đồng năm 2017 xuống còn 75,37 tỷ đồng trong năm 2018. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ của Công ty chiếm tỷ trọng 85,89% trong tài sản ngắn hạn của Công ty, là một tỷ lệ cao đảm bảo khả năng thanh khoản Công ty.



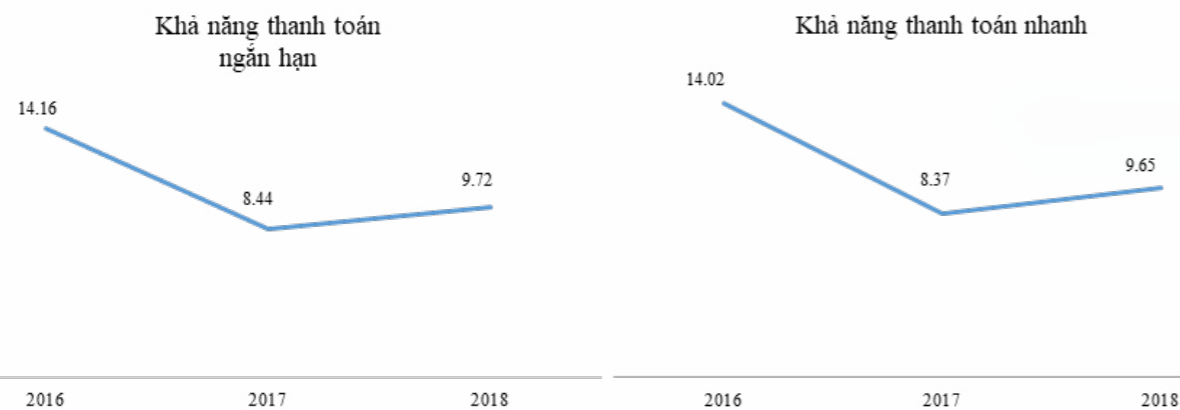
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,44	9,72
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	8,37	9,65
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,13	6,60
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	8,85	7,06
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	36,52	37,26
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,7	0,58
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	63,48	61,39
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	47,17	38,55
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	44,17	35,70
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	67,39	65,29

Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty đều tăng ở mức cao hơn năm 2017, lần lượt đạt 9,72 lần và 9,65 lần. Công ty có số nợ ngắn hạn luôn ở mức thấp, ngoài các sửa chữa lớn định kỳ đã có kế hoạch, Công ty chỉ vẫn vốn lưu động vào các hoạt động chi thường xuyên nên gần như không có nợ vay ngân hàng, các khoản phải thu dài hạn không phát sinh nên không bị chiếm dụng vốn dài hạn, Công ty không có nghĩa vụ nợ dài hạn. Trong tài sản ngắn hạn của Công ty, tiền và các khoản tương đương tiền

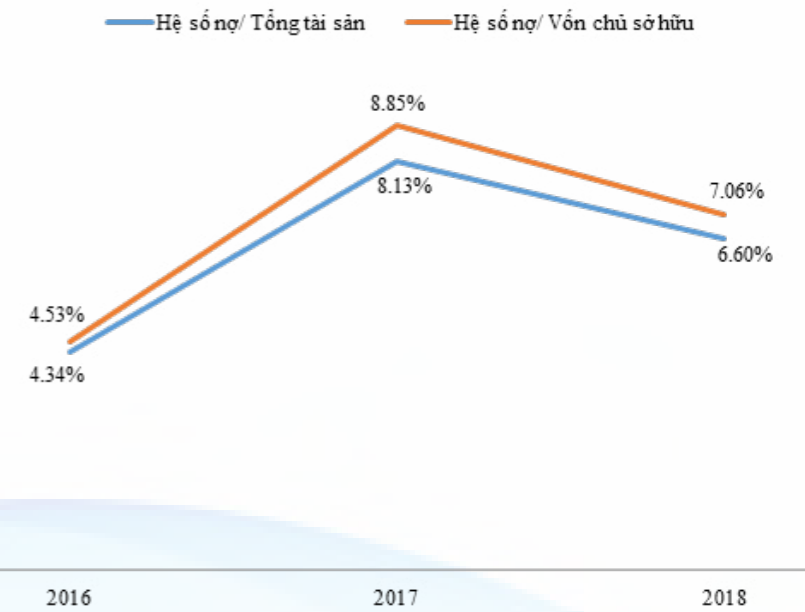
chiếm tỷ trọng đến 85,91%, điều này giúp Công ty luôn sẵn sàng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trong công tác quản lý, Công ty chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn trong từng thời kỳ, thường xuyên theo dõi và tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, cụ thể trong năm 2018 Công ty gửi ngân hàng và đem về nguồn doanh thu 3,37 tỷ đồng. Thêm vào đó, trong nguồn vốn của Công ty nợ chỉ chiếm 6,60% và còn lại là 93,40% vốn cổ phần, điều này góp phần làm cho khả năng thanh toán của Công ty rất cao.



Về cơ cấu vốn

Trong cơ cấu vốn của Công ty, nợ ngắn hạn chiếm 100%. Năm 2018 nợ ngắn hạn của Công ty là 9 tỷ đồng giảm 27,61% so với nợ ngắn hạn năm 2017. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm, lần lượt là 6,60% và 7,06% tại thời điểm 31/12/2018, do tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công được giữ ở mức ổn định trong khi nợ ngắn hạn của Công ty giảm dần qua các năm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Về năng lực hoạt động

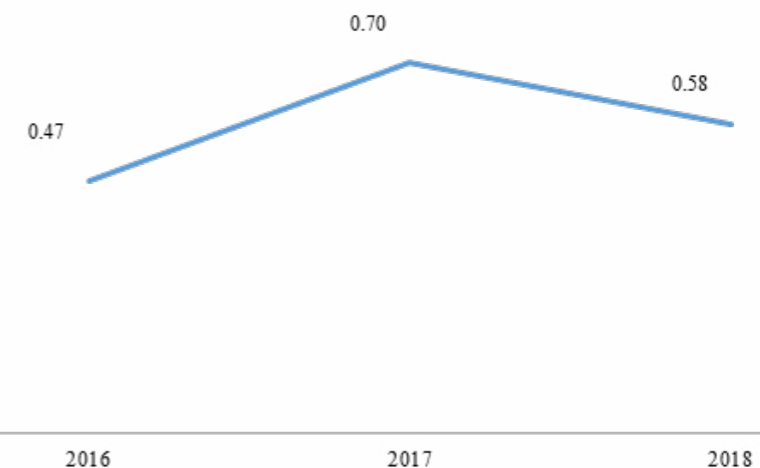
Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng nên hàng tồn kho chủ yếu là trang thiết bị dùng để phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất và hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ. Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 là 37,26 vòng.

Số vòng quay tổng tài sản trong năm 2018 sụt giảm từ 0,7 vòng xuống còn 0,58 vòng làm giảm hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho



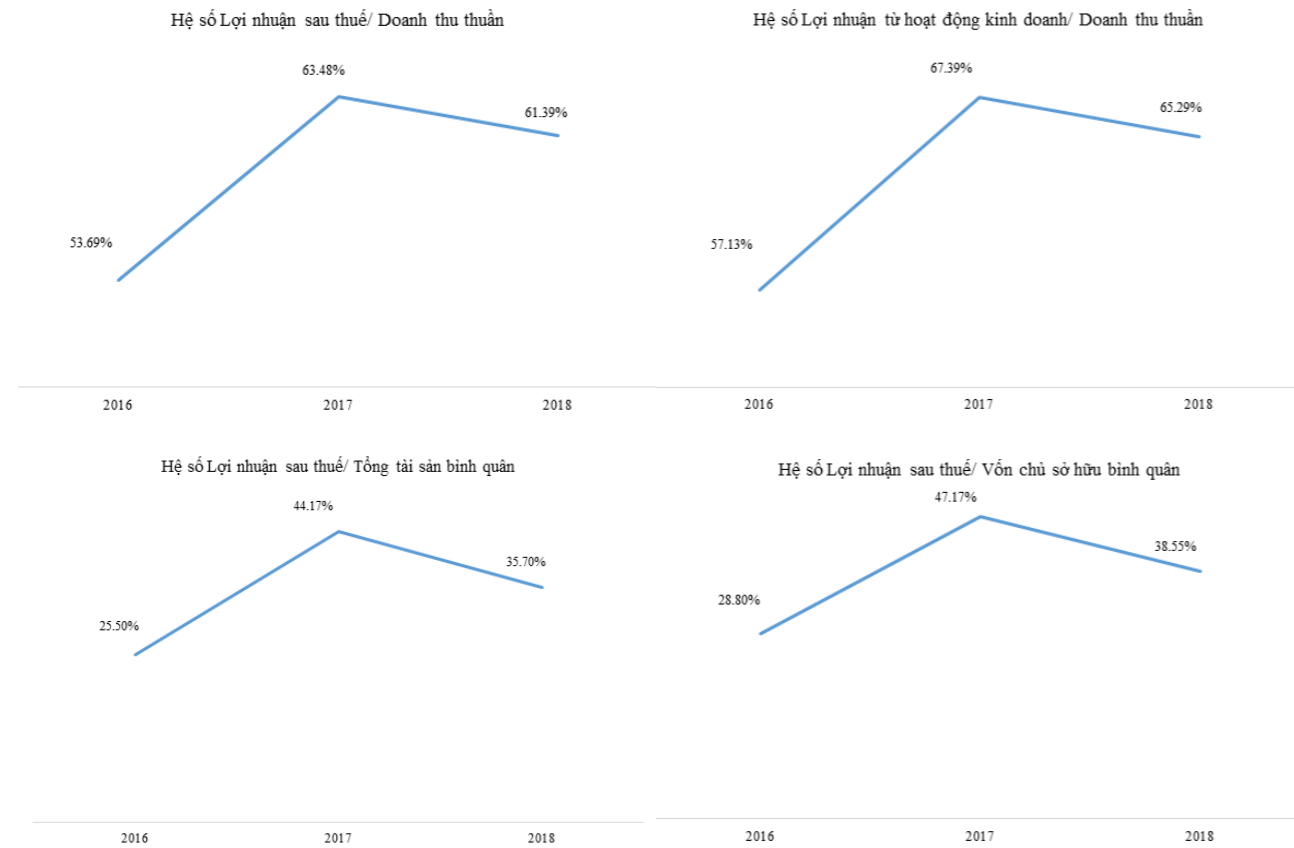
Vòng quay tổng tài sản



Về khả năng sinh lời

Trong năm 2018, cả doanh thu thuần và lợi nhuận của Công ty đều giảm so với cùng kỳ nên đã làm giảm khả năng sinh lời của Công ty được thể hiện qua các chỉ số như ROE giảm 8,62% còn 38,55% và ROA giảm 8,60% còn 35,70%.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty năm 2018 giảm so với năm 2017, tuy nhiên vẫn ở mức cao hơn so với năm 2016, đồng thời lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch đề ra đạt 112,45% (so với kế hoạch năm 2018) thể hiện Công ty đã thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.500.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.500.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 26/02/2019

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	2.890.000	28.900.000.000	30,42%
II	Cổ đông trong nước	9.435.000	94.350.000.000	99,32%
1	Cá nhân	6.543.352	65.433.530.000	68,88%
2	Tổ chức	2.891.648	28.916.480.000	30,44%
III	Cổ đông nước ngoài	65.000	650.000.000	0,68%
1	Cá nhân	20.440	204.400.000	0,22%
2	Tổ chức	44.560	445.600.000	0,47%
	Tổng cộng	9.500.000	95.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ cổ đông
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	78A Duy Tân, TP Đà Nẵng	2.890.000	28.900.000.000	30,42%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng nên nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ dùng để sửa chữa, vận hành nhà máy, máy móc thiết bị, do đó Công ty luôn có chi phí nguyên vật liệu ở mức thấp trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

Mức tiêu thụ năng lượng trong năm qua được Công ty sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Công ty luôn chú trọng trong công tác quản lý chi phí nhiên liệu nhằm đảm bảo nguồn nhiên liệu với chi phí hợp lý cho hoạt động vận hành nhà máy, máy móc thiết bị

Tiêu thụ nước

Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt trong công tác quản lý và sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm nguồn nước và góp phần bảo vệ môi trường tại địa bàn kinh doanh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường thông qua việc liên tục kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường xung quanh để có những biện pháp xử lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên tại khu vực hoạt động kinh doanh;

Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú ý đến những tác động trong quá trình hoạt động kinh doanh để có thể đề ra những chính sách hợp lý để tránh gây ảnh hưởng đến môi trường và tiết kiệm được chi phí.

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương: Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện chi trả lương làm thêm giờ hoặc phụ cấp làm đêm theo quy định của Bộ luật Lao động

Chính sách khen thưởng: Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Cuối năm, công ty đạt hoặc vượt kế hoạch đã đề ra thì người lao động được thưởng từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm, Công ty đều chú trọng đến công tác hỗ trợ cộng đồng địa phương. Công ty đã tham gia hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam, hộ nghèo, gia đình chính sách huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jút. Tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương.



PLANNING

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CẢI TIẾN TRONG NĂM

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Thuận lợi

- Hiệu quả sử dụng nguồn nước

Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện phương án phối hợp sử dụng nguồn nước với nhà máy thủy điện Hòa phú; nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3, để đảm bảo nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa sản lượng và doanh thu của nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2.

- Suất đầu tư thấp

Do tận dụng được đập tràn sẵn có của thủy điện Đrây H'linh, NMTĐ Đrây H'linh 2 là một trong những công trình có chi phí đầu tư thấp nhất khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Suất đầu tư chỉ bằng 50% so với suất đầu tư trung bình tại cùng thời điểm 2007. Điều này khiến chi phí khấu hao tài sản cố định chỉ chiếm khoảng 14% trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.

Dựa trên tổng vốn đầu tư quyết toán (đã được kiểm toán) cho xây dựng NMTĐ Đrây H'linh 2 là 147,59 tỷ đồng với công suất lắp máy là 16MW (gồm 02 tổ máy), thì suất đầu tư của NMTĐ đạt 9,61 tỷ đồng/MW. So sánh với suất đầu tư của một số NMTĐ khác quy mô tương đương thì suất đầu tư của NMTĐ Đrây H'linh 2 là có lợi thế cạnh tranh vượt trội về chi phí đầu tư thấp.

Bảng: Suất đầu tư một số thủy điện có quy mô nhỏ

STT	Nhà máy thủy điện (NMTĐ)	Suất đầu tư (tỷ đồng/MW)
1	NMTĐ Đrây H'linh 2	9,61
2	NMTĐ Pleikrong	30
3	NMTĐ Srok Phu Miêng	21,4
4	NMTĐ H'Chan	13,6
5	NMTĐ Khe Diên	20,8
6	NMTĐ Ea Krông Rou	18,9

- Hợp đồng mua bán điện

Hiện nay, doanh thu bán điện của Công ty đến từ dạng hợp đồng theo Biểu giá chi phí tránh được: Giá điện tại NMTĐ Đrây H'linh 2 đang áp dụng theo Thông tư số 32/2014/TT-BCT của Bộ Công thương. EVN đảm bảo mua lại tất cả sản lượng điện của các NMTĐ nhỏ (công suất dưới 30 MW) với mức giá quy định trong Bảng biểu giá chi phí tránh được hằng năm. Giá điện giờ cao điểm mùa khô được cộng thêm giá công suất là 2.306 đồng/kWH. Do vậy, rủi ro với các bên liên quan trong việc mua bán điện là không có vì sản lượng đầu ra được đảm bảo toàn bộ, giá bán điện đã niêm yết hàng năm.



Khó khăn

- Hiện tượng thời tiết El Nino bắt đầu xuất hiện gây khô hạn từ đầu năm kết hợp với việc phải dừng hoạt động tổ máy 01 trong 02 tháng để đại tu thay trục rotor, làm giảm năng lực sản xuất và sản lượng điện trong năm của Công ty
- Quy trình vận hành hồ chứa cụm thủy điện Đrây H'Linh không còn phù hợp kể từ khi nhà máy thủy điện Hòa Phú đưa vào vận hành để xảy ra tình trạng lúc thừa, lúc thiếu nước cho cả cụm thủy điện Đrây H'Linh gây lãng phí nguồn nước vào mùa khô mà vẫn chưa được phê duyệt sửa đổi bổ sung
- Công tác quản lý cổ đông và chi trả cổ tức gặp rất nhiều khó khăn do số lượng cổ đông khá lớn, lại sở hữu số lượng cổ phiếu ít, chưa lưu ký; còn rất nhiều cổ đông không quan tâm thực hiện thủ tục lưu ký và đăng ký nhận cổ tức qua tài khoản để công ty kịp thời chi trả. Đồng thời, địa chỉ liên lạc với cổ đông không được cập nhật chính xác và rõ ràng, gây khó khăn trong việc liên lạc với nhà đầu tư của công ty trong thời gian qua

Kết quả sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu năm 2018 là 87,71 tỷ đồng đạt 103,17% so với kế hoạch đề ra theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 51,78 tỷ đồng, giảm 18,85% so với lợi nhuận sau thuế năm 2017, tuy nhiên kết quả lợi nhuận này đạt 112,45% so với kế hoạch đề ra.

Có thể thấy, năm 2018 tình hình về điều kiện thời tiết không thuận lợi đã làm suy giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty so với kết quả năm 2017. Tuy nhiên với kết quả đạt được, Ban Giám đốc của Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, không chỉ vượt mức kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận mà cổ tức dự kiến cũng vượt mức kế hoạch đạt 51,32%/cổ phiếu tương ứng đạt 112,72% so với kế hoạch đề ra.

Năm 2018, tuy phải đối mặt với những khó khăn về thời tiết do thiên tai xảy ra liên tiếp trên các vùng miền cả nước (trên 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới), nhưng có thể thấy ngành Thủy điện Việt Nam và Công ty Thủy điện – Điện lực 3 nói riêng đã thực hiện tốt công tác sản xuất và cung ứng điện và đã đạt những kết quả khả quan.

Nhìn chung, so với mục tiêu đặt ra năm 2018, mặc dù đã có những bất lợi về mặt khách quan lẫn chủ quan trong công

tác sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty đã hoàn thành tốt và vượt hơn các mức chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018, như tổng doanh thu đạt 103,17% và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 112,45%.

Để tránh tình trạng dừng máy do sự cố, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện một số hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phụ trợ nhà máy; duy tu bảo dưỡng các tổ máy. Đặc biệt là việc cân chỉnh tổ máy

số 01 sau khi hàn trực, đã phát huy hiệu quả tích cực trong công tác vận hành khai thác; Công tác thí nghiệm định kỳ nhà máy cũng như việc bảo dưỡng, thí nghiệm chuẩn đoán các hư hỏng có thể xảy ra đối với trạm biến áp, đường dây được quan tâm thực hiện một cách có chất lượng đảm bảo công tác vận hành được an toàn, liên tục. Chủ động trong việc kiểm tra thường xuyên công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị của nhà máy.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH 2018/ KH 2018
1	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	72.000.000	68.252.035	94,79%
2	Tổng doanh thu	Đồng	85.014.769.000	87.709.200.057	103,17%
	<i>Doanh thu tiền điện</i>	<i>Đồng</i>	<i>73.228.429.000</i>	<i>76.012.710.889</i>	<i>103,80%</i>
	<i>Doanh thu tài chính (Lãi tiền gửi)</i>	<i>Đồng</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.366.613.617</i>	<i>112,22%</i>
	<i>Doanh thu từ thuế tài nguyên</i>	<i>Đồng</i>	<i>6.194.340.000</i>	<i>5.871.893.201</i>	<i>94,79%</i>
	<i>Doanh thu từ phí dịch vụ môi trường</i>	<i>Đồng</i>	<i>2.592.000.000</i>	<i>2.457.073.260</i>	<i>94,79%</i>
	Thu nhập khác	Đồng	0	909.090	
3	Tổng chi phí	Đồng	35.860.685.000	32.644.078.267	91,04%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	49.154.084.000	55.061.371.790	112,02%
5	Thuế TNDN	Đồng	3.107.704.000	3.281.720.178	105,60%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	46.046.380.000	51.779.651.612	112,45%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	105.164	87.730	83,42%	68,61%	64,11%
Tài sản dài hạn	48.107	49.108	102,08%	31,39%	35,89%
Tổng tài sản	153.272	136.838	89,28%	100%	100%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đạt 136,84 tỷ đồng, giảm 10,72% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng tài sản, tài sản ngắn hạn đạt giá trị 87,73 tỷ đồng đạt mức 83,42% so với năm 2017, tương ứng giảm 17,43 tỷ đồng; nguyên nhân dẫn đến giảm tài sản ngắn hạn là do sự sụt giảm trong các khoản tiền và tương đương tiền

từ hơn 90 tỷ đồng xuống còn 75 tỷ đồng do lưu chuyển tiền thuần trong kỳ có giá trị -15 tỷ đồng, và sự sụt giảm trong các khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 14 tỷ đồng xuống còn 11,7 tỷ đồng mà nguyên nhân chủ yếu là do giảm 88,86% so với năm 2017 trong khoản trả trước người bán ngắn hạn. Tài sản dài hạn của Công ty trong

năm tương đối ổn định, chỉ tăng 2,08% so với tài sản dài hạn năm 2017, nguyên nhân gia tăng tài sản dài hạn là do Công ty gia tăng trong chi phí trả trước dài hạn từ 1,12 tỷ đồng lên 5,96 tỷ đồng để chi trả cho chi phí đại tu thiết bị chính và trục tua bin, trục roto H1.

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại /Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.894.796.964	40.626.640.989	66,72%
Máy móc thiết bị	86.753.966.049	997.814.186	1,15%
Phương tiện vận tải	1.526.598.546	440.250.956	28,84%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.764.347.418	1.054.090.146	59,74%
TSCĐ khác	1.467.246.471	0	0,00%
Cộng	152.406.955.448	43.118.796.277	28,29%

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại /Nguyên giá
Phần mềm kế toán	121.000.000	25.766.129	21,29%
Cộng	121.000.000	25.766.129	21,29%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	12.467	9.025	72,39%	100,00%	100,00%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	12.467	9.025	72,39%	100%	100%

Nợ phải trả của Công ty đến từ 100% nợ phải trả ngắn hạn. So với nợ ngắn hạn năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm 2018 giảm 27,61%, còn 9 tỷ đồng. Nguyên nhân giúp Công ty giảm được nợ phải trả ngắn hạn đó là do giảm trong khoản phải trả người bán từ 2,036 triệu đồng xuống còn 240 triệu đồng, trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cho các đối tượng bán hàng và cung cấp dịch vụ khác 1.8 tỷ đồng



CÁC CẢI TIẾN TRONG NĂM

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao.

Chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.

Kiểm soát chi phí

Trong năm Công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch chi phí và cùng với Ban kiểm soát của Công ty thực hiện tốt việc kiểm soát các loại chi phí một cách hợp lý hợp lệ, cắt giảm các chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Về trách nhiệm xã hội

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và xã hội. Công ty đã hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam, hộ nghèo, gia đình chính sách huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jút... Tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương.

Các biện pháp kiểm soát hoạt động

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban, Ngành liên quan, đặc biệt là đối với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng các quy định của pháp luật.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Tình hình thời tiết năm 2019 tại Tây Nguyên rất khó dự đoán, dự báo lượng mưa trong khu vực khá thấp, đặc biệt là tại lưu vực sông Sêrêpôk; chế độ vận hành thì phụ thuộc hoàn toàn vào thủy điện bậc trên. Đó là các yếu tố bất lợi cho công tác sản xuất điện của Công ty trong năm 2019. Với các chỉ tiêu Hội đồng quản trị đưa ra, Ban Giám đốc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch tài chính và phương án phân phối lợi nhuận cụ thể cho năm 2019 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	68.252.035	74.000.000	108,42%
2	Tổng doanh thu	Đồng	87.709.200.056	93.066.148.000	106,11%
	Trong đó				
	<i>Doanh thu tiền điện</i>	<i>Đồng</i>	<i>76.012.710.888</i>	<i>80.735.743.000</i>	<i>106,21%</i>
	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>Đồng</i>	<i>3.366.613.617</i>	<i>3.300.000.000</i>	<i>98,02%</i>
	<i>Doanh thu từ thuế TN nước</i>	<i>Đồng</i>	<i>5.871.893.201</i>	<i>6.366.405.000</i>	<i>108,42%</i>
	<i>Doanh thu phí DVMT rừng</i>	<i>Đồng</i>	<i>2.457.073.260</i>	<i>2.664.000.000</i>	<i>108,42%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>Đồng</i>	<i>909.090</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>
3	Tổng chi phí	Đồng	32.647.828.267	35.928.397.000	110,05%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	55.061.371.790	57.137.751.000	103,77%
5	Thuế TNDN	Đồng	3.281.720.178	3.351.888.000	102,14%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	51.779.651.612	53.785.863.000	103,87%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	5.450	5.661	103,87%
8	Trích lập các quỹ	Đồng	3.021.186.064	3.101.435.000	102,66%
	Quỹ Phúc lợi	Đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	Quỹ khen thưởng	Đồng	2.071.186.064	2.151.435.000	103,87%
9	Lợi nhuận còn lại	Đồng	48.758.465.547	50.684.428.000	103,95%
10	Cổ tức dự kiến	%	51,32	53,35	103,95%

Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2018

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ so với KH (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	46.046.380.000	51.779.651.612	112,45%
2	Trích lập các quỹ	Đồng	2.791.855.000	3.021.186.064	108,21%
	Quỹ phúc lợi	Đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	Quỹ khen thưởng	Đồng	1.841.855.000	2.071.186.064	112,45%
3	LN còn lại phân phối cho cổ đông	Đồng	43.254.525.000	48.758.465.547	112,72%
4	Cổ tức năm 2018	%/VĐL	45,53	51,32	112,72%
5	Đã tạm ứng phần cổ tức của năm 2018	%/VĐL		42,34	
	Đợt 1	%/VĐL		7,34	
	Đợt 2	%/VĐL		15,00	
	Đợt 3	%/VĐL		20,00	
6	Cổ tức năm 2018 còn lại chưa phân phối	%/VĐL		8,98	

Biện pháp triển khai thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trong năm 2019

- Quản lý vận hành và khai thác an toàn, hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2;
- Phối hợp với Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Nhà máy thủy điện Đrây H'Lin 3 để đề nghị điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa cho phù hợp với thực tế việc nhà máy thủy điện Hòa phú vào vận hành làm ảnh hưởng đến lượng nước về phục vụ cho công tác sản xuất điện, đồng thời chủ động phối hợp với các nhà máy tại cụm Đrây H'Lin để khai thác tốt nguồn nước phát điện vào giờ cao điểm mùa khô;
- Đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật, kiểm tra thường xuyên các thiết bị tại nhà máy, sớm phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra, để luôn đảm bảo việc huy động hết công suất của các tổ máy khi có nguồn nước, đặc biệt là vào giờ cao điểm;
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân, nhằm chủ động trong việc vận hành thiết bị và xử lý sự cố, sửa chữa thiết bị;
- Triển khai một cách nhanh chóng, chất lượng và hợp lý về mặt thời gian các hạng mục thuộc công trình: Bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 năm 2019;
- Tiếp tục duy trì và nâng cao công tác quản lý tài chính, quản lý kỹ thuật, an toàn - vệ sinh lao động, PCCN, PCBL;
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của công ty đối với địa phương.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường, thực hiện tốt chương trình Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, tiếp tục chăm sóc khuôn viên cây xanh của Công ty. Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường;
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động để góp phần thúc đẩy Người lao động thi đua sản xuất an toàn hiệu quả, mang lại lợi ích kinh tế, cải thiện đời sống và bảo vệ lợi ích người lao động. Phần đầu đạt mức thu nhập bình quân cho người lao động năm 2019 tiếp tục cao hơn 20 triệu đồng/người/tháng;
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội đối với địa bàn huyện Cư Jút để tăng cường sự gắn bó giữa doanh nghiệp và địa phương.



IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: Triệu đồng

Diễn giải	Năm 2017	Năm 2018	So sánh	
			% tăng/giảm 2018/2017	%TH 2018/KH 2018
Tổng doanh thu	103.783	87.709	-15,49%	103,17%
Lợi nhuận trước thuế	67.741	55.061	-18,27%	112,02%
Lợi nhuận sau thuế	63.806	51.780	-18,85%	112,45%

Sau giai đoạn trầm lắng đầy khó khăn của các doanh nghiệp ngành thủy điện Việt Nam từ năm 2015 đến 2016, với chu kỳ El Nino mạnh và kéo dài nhất trong lịch sử khiến sản lượng điện thương phẩm của các doanh nghiệp ngành điện nói chung và Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 nói riêng sụt giảm nghiêm trọng. Khởi sắc của năm 2017 với những chuyển biến tích cực từ điều kiện khí tượng thủy văn. Năm 2018, El Nino đã trở lại gây nên các điều kiện thời tiết cực đoan, làm cho công tác sản xuất thủy điện ngày càng khó khăn hơn.

Mã chứng khoán	Tổng doanh thu (triệu đồng)	Tổng chi phí (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	%Chi phí/Doanh thu
DRL	87.709	35.929	51.779	40,96%
TMP	926.794	429.108	497.686	46,30%
S4A	309.395	178.700	130.695	57,76%
CHP	481.193	385.301	95.892	80,07%
SJD	505.713	314.728	190.985	62,23%
SBA	254.873	158.531	96.342	62,20%
SBH	268.209	136.013	132.196	50,71%

Trong năm 2018, chu kỳ hạn hán ở khu vực miền Trung - Tây nguyên bắt đầu, khiến một loạt doanh nghiệp thủy điện trong đó có Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 có sự sụt giảm đáng kể về sản lượng điện thương phẩm so với năm 2017. Nhưng với sự điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, theo sát những kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu tài chính mà ĐHCĐ thường niên năm 2018 giao: Tổng doanh thu đạt: 87,77 tỷ đồng, đạt 103,17% so với Nghị quyết; Lợi nhuận sau thuế: 51,78 tỷ đồng, đạt 112,45% kế hoạch năm và mức cổ tức đạt 51,32%/cp. Đó chính là những thành quả của một năm đầy quyết tâm và cố gắng trong công tác sản xuất kinh doanh và điều hành với những giải pháp đồng bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể Người lao động trong Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

So với một số doanh nghiệp trong cùng ngành, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 có quy mô nhỏ (công suất dưới 30 MW), tuy nhiên, Công ty có biên lợi nhuận gộp đạt mức 68%, cao hơn so với trung bình các thủy điện khác (khoảng 64%) nhờ tận dụng được lợi thế suất đầu tư thấp và kiểm soát chi phí hiệu quả. Công ty có tỷ lệ chi phí chiếm khoảng 41% so với tổng doanh thu, là tỷ lệ chi phí trên doanh thu thấp nhất so với các doanh nghiệp sản xuất thủy điện, đây là một lợi thế giúp nâng cao mức độ cạnh tranh sản xuất điện năng của Công ty.



➔ Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT chỉ đạo Ban Giám đốc đều phù hợp với phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật. Ban Giám đốc và Toàn thể Người lao động trong công ty đã chủ động đối mặt với khó khăn, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các định hướng chỉ đạo của HĐQT;
- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Giám đốc thông qua các phiên họp HĐQT hàng quý và bất thường để triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; thông qua kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng. Chỉ đạo và giám sát chặt chẽ sự hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực thi các nội dung trong Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT để đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của công ty;
- Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của công ty tiếp tục ổn định và ngày càng phát huy tác dụng, làm cho hiệu quả công việc ngày càng được cải thiện và tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp...
- Năm 2018 HĐQT không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động điều hành công ty của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.



➔ Kết quả hoạt động giám sát

- Công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị với Giám đốc trong năm 2018 đã đạt được kết quả với tỷ lệ đạt so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 như sau:
 - + Sản lượng điện thương phẩm : 68,25% triệu kWh đạt 94,79% so với Nghị quyết
 - + Tổng doanh thu : 87,71% tỷ đồng đạt 103,17% so với Nghị quyết
 - + Tổng chi phí : 32,65 tỷ đồng đạt 91,04% so với Nghị quyết
 - + Lợi nhuận trước thuế TNDN : 55,06 tỷ đồng đạt 112,02% so với Nghị quyết
 - + Thuế TNDN : 3,28 tỷ đồng đạt 105,60% so với Nghị quyết
 - + Lợi nhuận sau thuế TNDN : 51,78 tỷ đồng đạt 112,45% so với Nghị quyết
 - + Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 5.450 đồng/cp, đạt 112,45% so với Nghị quyết
 - + Cổ tức dự kiến đạt : 51,32%/CP đạt 112,72% so với Nghị quyết
- Chỉ đạo các công tác khác
 - + Tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
 - + Thực hiện chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1, 2, 3 năm 2018 cho các cổ đông của công ty.

Lần	Thời gian thông báo	Tỷ lệ chi trả (%/Mệnh giá cổ phiếu)	Ngày thanh toán
1(*)	02/05/2018	30,00%	25/05/2018
2	15/08/2018	15%	17/09/2018
3	17/12/2018	20%	21/01/2019

(*) Trong đợt 1/2018 với tỷ lệ là 30,00% bao gồm phần cổ tức còn lại của năm 2017 là 22,66% và tạm ứng phần lợi nhuận năm 2018 là 7,34%.





KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận

- Sản lượng	: 74.000.000 kWh
- Tổng doanh thu	: 93.066.148.000 đồng
- Tổng chi phí	: 35.928.397.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 57.137.751.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 53.785.863.000
- Cổ tức sự kiến	: 53,35%/CP



Kế hoạch đầu tư

Triển khai nghiên cứu một số dự án về thủy điện, điện mặt trời để đầu tư hoặc hợp tác đầu tư trong thời gian đến nhằm mở rộng quy mô hoạt động của công ty, cụ thể như:

- Mở rộng công suất nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2;
- Đầu tư nhà máy điện mặt trời nên quỹ đất hiện có của công ty.



Biện pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo Ban Giám đốc bám sát và thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Nghị quyết và các chỉ đạo của HĐQT;

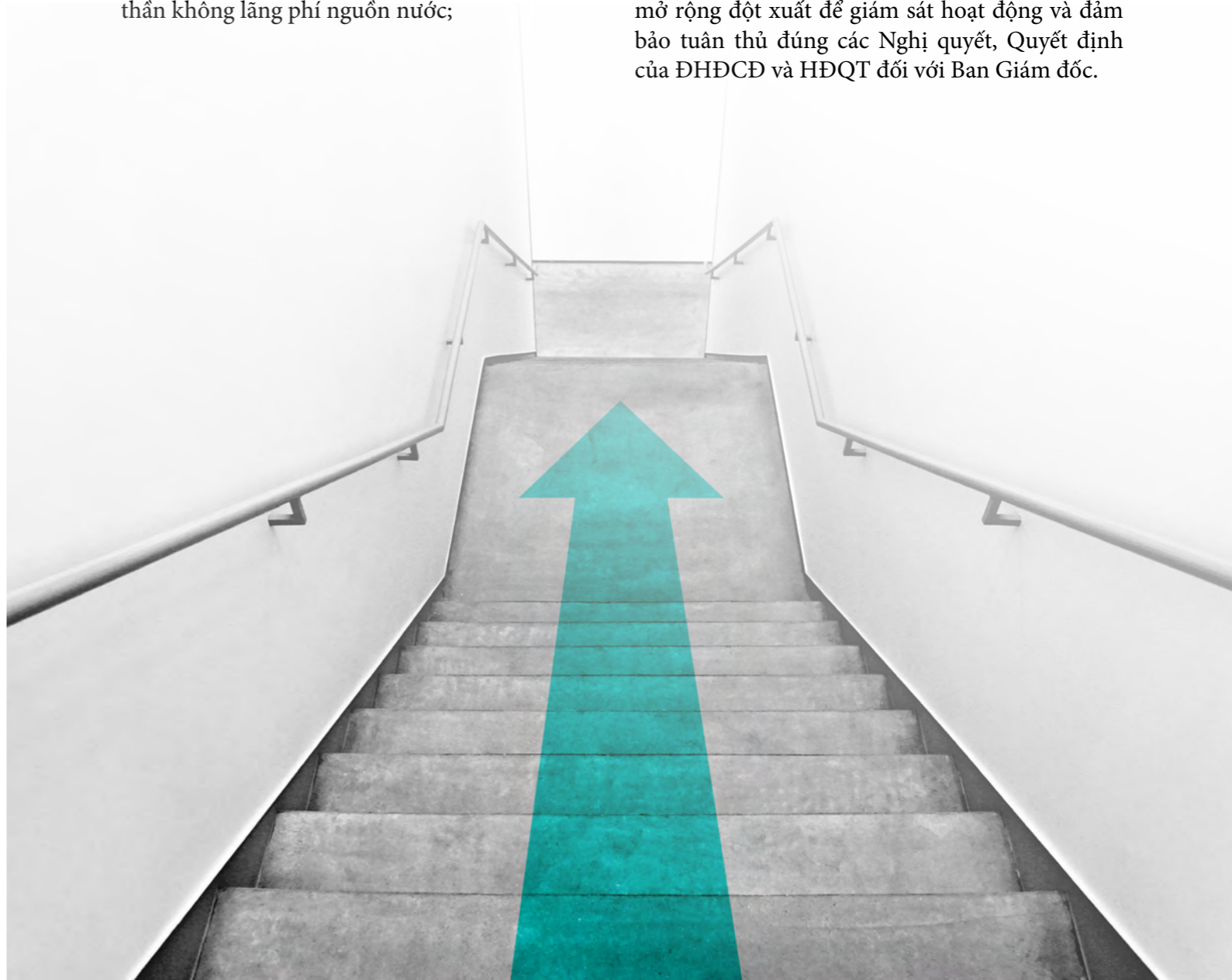
- Chỉ đạo Giám đốc công ty phối hợp theo dõi công tác vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên để vận hành nhà máy thủy điện Đrây H'Lin 2, đảm bảo vận hành theo lượng nước về. Tiếp tục phối hợp với các chủ đầu tư của nhà máy thủy điện Đrây H'Lin 1 và 3 để đề nghị sửa đổi bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Lin cho phù hợp với tình hình thực tế nguồn nước vận hành trong thời gian qua, đảm bảo trên tinh thần không lãng phí nguồn nước;

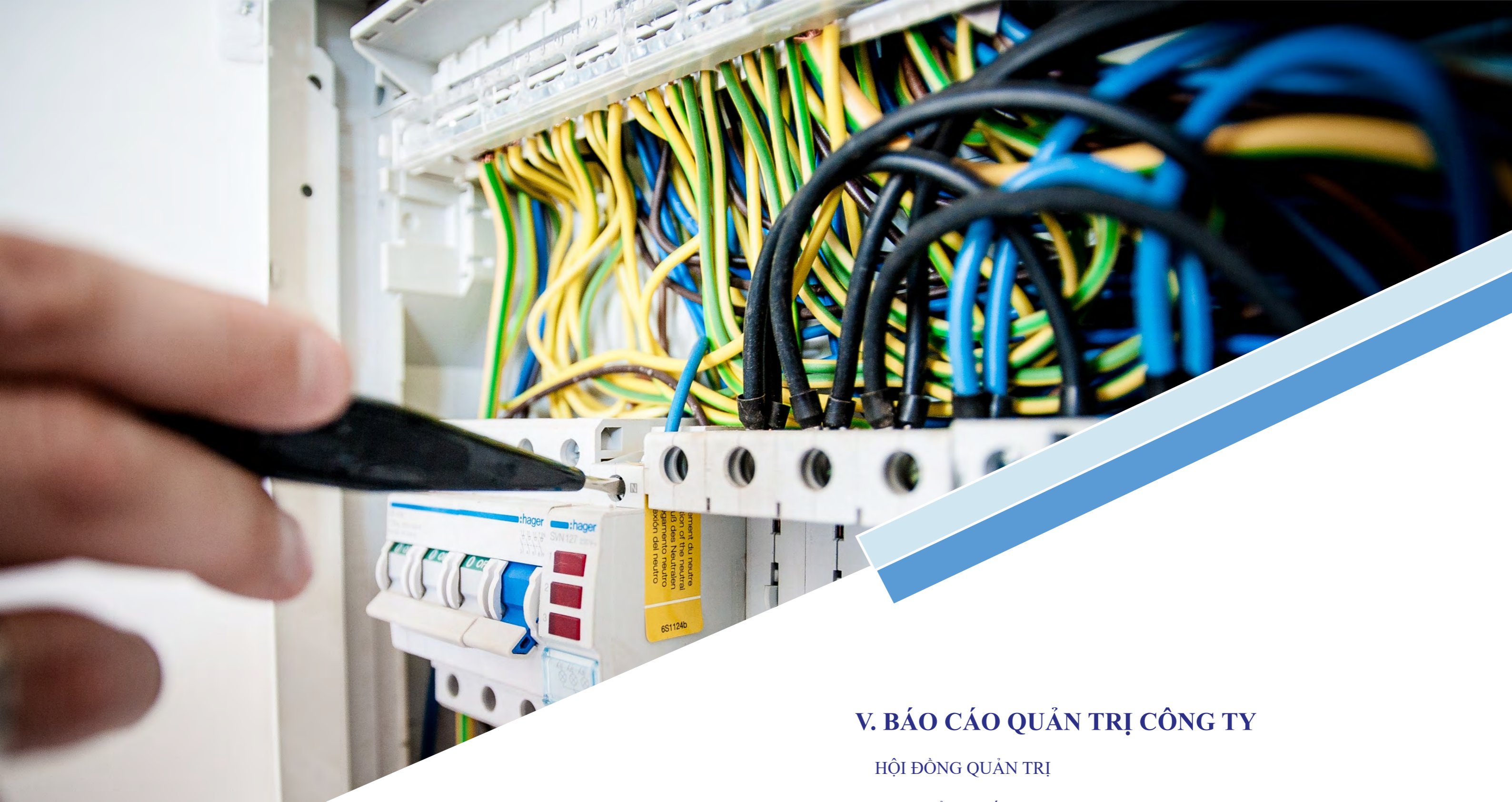
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị và nhân lực để thực hiện một số công việc: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ nhà máy theo kế hoạch và sẵn sàng vận hành khi có nước. Tăng cường kỷ luật vận hành, giảm thiểu sự cố (không có sự cố chủ quan) để đạt sản lượng phát điện trong năm;

- Nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí để mang lại hiệu quả và lợi nhuận cao nhất cho cổ đông;

- Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ, tạo thế mạnh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương, thưởng, đánh giá và quy hoạch cán bộ quản lý;

- Tổ chức các phiên họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng đột xuất để giám sát hoạt động và đảm bảo tuân thủ đúng các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đối với Ban Giám đốc.





V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI
ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS, BGD

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	10.000	0,11%
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	2.900.000	30,53%
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	38.250	0,40%
4	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	251.590	2,65%
5	Ông Lâm Uyên	Thành viên	-	-

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	23/04/2018	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	23/04/2018	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	23/04/2018	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	23/04/2018	4/5	66,67%	Thành viên mới
5	Ông Lâm Uyên	Thành viên	23/04/2018	4/5	66,67%	Thành viên mới

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	08/03/2018	Thông qua kế hoạch chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
2	05-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	04/04/2018	Họp HĐQT định kỳ Quý I/2018 để thông qua một số nội dung về công tác SXKD và triển khai các công việc chuẩn bị cho ĐHCĐ TN năm 2018
3	07-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	11/04/2018	Thông qua cơ cấu, tiêu chuẩn làm TV HĐQT, Kiểm soát viên nhiệm kyg 2018-2023 trình ĐHCĐ thường niên năm 2018
4	11-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	23/04/2018	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018- 2023 và bổ nhiệm Giám đốc; Kế Toán trưởng
5	12-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	23/04/2018	Thông qua việc chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2017 và tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ là: 30,00%/CP
6	15-QĐ/PC3HP. Co-HĐQT	24/05/2018	Quyết định về việc phân công trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023
7	16-QĐ/PC3HP. Co-HĐQT	24/05/2018	Quyết định về phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT độc lập
8	18-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	25/05/2018	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
9	22-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	15/08/2018	Họp HĐQT định kỳ Quý II/2018 để báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 trong Quý II/2018; Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018
10	23-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	15/08/2018	Thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 với tỷ lệ là: 15,00%/CP
11	25-NQ/PC3HP. Co-HĐQT	17/12/2018	Thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2018 với tỷ lệ là: 20,00%/CP

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	-	-
2	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên	-	-
3	Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	10.000	0,11%



Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ vai trò giám sát theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty bao gồm:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp;
- Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban Giám đốc để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý công ty phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch;

- Kiểm tra báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng; Báo cáo tài chính Quý, Bán niên và Báo cáo tài chính kiểm toán năm trước khi đệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Tăng cường sự phối hợp, trao đổi và thảo luận giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác thông qua các cuộc họp mở rộng của HĐQT;
- Toàn bộ các tài liệu, Biên bản họp HĐQT đều được gửi cho Ban kiểm soát nghiên cứu để đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Chức vụ	Số người	Thù lao năm 2018	Số người	Kiến nghị thù lao 2019 (Đồng/tháng)
Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	1	10.000.000
Thành viên HĐQT	4	7.000.000	4	7.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	1	Hưởng lương chuyên trách	1	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban kiểm soát	2	5.000.000	2	5.000.000
Thư ký Công ty	1	5.000.000	1	5.000.000
Tổng tiền thù lao/năm (đồng)	8	636.000.000	8	636.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên HĐQT	31.050	0,33%	38.250	0,40%	Mua tăng tỷ lệ sở hữu
2	Trần Thanh Hà	Trưởng ban Kiểm soát	3.650	0,03%	0	0,00%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có



FINANCE



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018



PC3 HP.Co

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20/11/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCN ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 95.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2018: 95.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Điện thoại: 0261 3684888
- Fax: 0261 3684666
- Website: www.pc3hp.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Lắp đặt hệ thống điện:
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 33 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Xuân Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
• Ông Lâm Uyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 Miễn nhiệm ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2013 Miễn nhiệm ngày 23/04/2018

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Bà Hoàng Thị Thu Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Bà Vũ Thị Kiều Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
• Ông Hồ Thăng Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2016 Miễn nhiệm ngày 23/04/2018

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2015
• Ông Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 25 tháng 2 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 111/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11/02/2019, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán này, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 2 năm 2019


Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.729.658.720	105.164.224.250
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		75.368.820.308	90.354.855.393
1. Tiền	111	5	243.320.015	330.529.759
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	75.125.500.293	90.024.325.634
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.720.576.542	14.005.152.918
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.776.215.459	9.827.665.108
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		328.385.932	2.948.396.121
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.083.833.552	1.696.950.090
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	9	640.261.870	804.215.939
1. Hàng tồn kho	141		640.261.870	804.215.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.108.254.039	48.107.390.390
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.144.562.406	46.920.039.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	43.118.796.277	46.867.272.909
- Nguyên giá	222		152.406.955.448	151.919.138.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.288.159.171)	(105.051.865.739)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	25.766.129	52.766.129
- Nguyên giá	228		121.000.000	121.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.233.871)	(68.233.871)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.963.691.633	1.187.351.352
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.963.691.633	1.118.127.452
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	69.223.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.837.912.759	153.271.614.640

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.024.892.151	12.467.059.580
I. Nợ ngắn hạn	310		9.024.892.151	12.467.059.580
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	239.547.219	2.036.306.824
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.516.435.989	4.117.691.123
3. Phải trả người lao động	314		1.991.065.112	2.174.228.037
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.088.197.612	982.724.660
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	44.275.850	42.617.600
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.145.370.369	3.113.491.336
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.813.020.608	140.804.555.060
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	127.813.020.608	140.804.555.060
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	27.660.728.409	40.652.262.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.262.861	128.058.503
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.535.465.548	40.524.204.358
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136.837.912.759	153.271.614.640



Nguyễn Sơn
Đắk Nông, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

(Signature)
Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

(Signature)
Nguyễn Thị Bích Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	84.341.677.350	100.518.577.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		84.341.677.350	100.518.577.803
4. Giá vốn hàng bán	11	19	26.910.601.121	29.394.963.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		57.431.076.229	71.123.613.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.366.613.617	3.264.741.853
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	5.733.477.146	6.647.093.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.064.212.700	67.741.262.001
11. Thu nhập khác	31		909.090	-
12. Chi phí khác	32		3.750.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		(2.840.910)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.061.371.790	67.741.262.001
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	3.281.720.178	3.934.799.128
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		51.779.651.612	63.806.462.873
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	5.132	6.266
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	5.132	6.266



Nguyễn Sơn
Đắk Nông, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

(Signature)
Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

(Signature)
Nguyễn Thị Bích Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	83.479.358.850	102.715.251.230
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(15.766.931.394)	(14.518.916.230)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.554.296.198)	(10.386.423.811)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 14	(3.833.474.128)	(1.605.405.772)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.769.471.353	10.476.733.668
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.634.921.955)	(20.094.576.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.459.206.528	66.586.662.609
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21 10,11	(310.428.873)	(836.707.709)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 8,20	3.615.187.260	2.999.619.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.304.758.387	2.162.911.618
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 17c	(61.750.000.000)	(48.459.011.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.750.000.000)	(48.459.011.155)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(14.986.035.085)	20.290.563.072
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5,6	90.354.855.393	70.064.292.321
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5,6	75.368.820.308	90.354.855.393



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20/11/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCN ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống điện:
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	6 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	8

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả phát sinh tại Công ty là tiền dịch vụ môi trường rừng: được xác định dựa vào sản lượng điện đã phát (kw) và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (36đ/kwh).

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL 3 ngày 31/05/2011 với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
 - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện ĐRây H'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.
 - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007- 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011-2019).Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ - CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.
- Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất:
 - Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).
 - Theo Quyết định số 748/QĐ-CT ngày 13/07/2017 của Cục Thuế tỉnh Đắk Nông, Công ty được miễn tiền thuê đất từ 01/01/2016 đến 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	28.867.337	27.276.852
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	214.452.678	303.252.907
Cộng	243.320.015	330.529.759

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	75.125.500.293	90.024.325.634
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	9.000.000.000	3.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - CN Đắk Lắk	5.300.000.000	4.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Đắk Lắk	42.914.962.025	58.100.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực - CN Đà Nẵng	17.910.538.268	23.824.325.634
Cộng	75.125.500.293	90.024.325.634

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	10.776.215.459	9.827.665.108
Cộng	10.776.215.459	9.827.665.108

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	299.580.167	-	548.153.811	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	312.997.322	-	190.626.347	-
Tạm ứng	-	-	8.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Phải thu khác	3.397.662	-	482.311.531	-
Cộng	1.083.833.552	467.858.401	1.696.950.090	467.858.401

Trang 15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	640.261.870	-	804.215.939	-
Cộng	640.261.870	-	804.215.939	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất và hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	1.276.530.618	1.467.246.471	151.919.138.648
Mua sắm trong năm	-	-	-	487.816.800	-	487.816.800
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	1.764.347.418	1.467.246.471	152.406.955.448
Khấu hao						
Số đầu năm	18.609.721.651	83.828.317.283	905.215.774	405.811.544	1.302.799.487	105.051.865.739
Khấu hao trong năm	1.658.434.324	1.927.834.580	181.131.816	304.445.728	164.446.984	4.236.293.432
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	20.268.155.975	85.756.151.863	1.086.347.590	710.257.272	1.467.246.471	109.288.159.171
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	42.285.075.313	2.925.648.766	621.382.772	870.719.074	164.446.984	46.867.272.909
Số cuối năm	40.626.640.989	997.814.186	440.250.956	1.054.090.146	-	43.118.796.277

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 66.995.149.953 đồng.

Trang 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	121.000.000	121.000.000
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	121.000.000	121.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	68.233.871	68.233.871
Khấu hao trong năm	27.000.000	27.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	95.233.871	95.233.871
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	52.766.129	52.766.129
Số cuối năm	25.766.129	25.766.129

Nguyên giá TSCĐVH đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 40.000.000 đồng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí sửa chữa trục roto	-	161.998.000
Chi phí đại tu tổ máy H1	-	251.899.773
Chi phí đại tu thiết bị chính và trục tuabin	2.273.474.305	-
Trục Roto H1	3.087.086.283	-
Chi phí trả trước khác	603.131.045	704.229.679
Cộng	5.963.691.633	1.118.127.452

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng công ty Điện lực Miền trung	201.478.131	201.478.131
Các đối tượng khác	38.069.088	1.834.828.693
Cộng	239.547.219	2.036.306.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	611.497.040	7.333.771.459	7.449.768.111	495.500.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.733.474.128	3.281.720.178	3.833.474.128	2.181.720.178
Thuế thu nhập cá nhân	172.497.442	2.572.419.234	2.505.879.889	239.036.787
Thuế tài nguyên	600.222.513	5.871.893.202	5.871.937.079	600.178.636
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí	-	1.147.699.000	1.147.699.000	-
Cộng	4.117.691.123	20.210.503.073	20.811.758.207	3.516.435.989

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền dịch vụ môi trường rừng	1.088.197.612	982.724.660
Cộng	1.088.197.612	982.724.660

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp thừa	12.600.000	12.600.000
Phải trả khác	31.675.850	30.017.600
Cộng	44.275.850	42.617.600

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	29.578.058.503	129.730.350.702
Tăng trong năm	-	-	-	63.806.462.873	63.806.462.873
Giảm trong năm	-	-	-	52.732.258.515	52.732.258.515
Số dư tại 31/12/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	40.652.262.861	140.804.555.060
Số dư tại 01/01/2018	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	40.652.262.861	140.804.555.060
Tăng trong kỳ	-	-	-	51.779.651.612	51.779.651.612
Giảm trong kỳ	-	-	-	64.771.186.064	64.771.186.064
Số dư tại 31/12/2018	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	27.660.728.409	127.813.020.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	40.652.262.861	29.578.058.503
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	51.779.651.612	63.806.462.873
Phân phối lợi nhuận	64.771.186.064	52.732.258.515
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	40.527.000.000	29.450.000.000
+ Trả cổ tức cho cổ đông	40.527.000.000	29.450.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	24.244.186.064	23.282.258.515
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.021.186.064	4.282.258.515
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	21.223.000.000	19.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	27.660.728.409	40.652.262.861

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 10 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 23/04/2018.

d. Cổ tức

- Nghị quyết số 21-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 23/11/2017 đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 của năm 2017 bằng tiền là 20%/ cổ phiếu (tương ứng 19.000.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 09/01/2018 và thực hiện chi trả từ ngày 24/01/2018.

- Nghị quyết số 12-NQ/PC3HP.Co-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 23/04/2018 đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2017 bằng tiền là 22,66%/cổ phiếu (tương ứng 21.572.000.000 đồng) và tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền là 7,34%/cổ phiếu (tương ứng 6.973.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 15/05/2018 và thực hiện chi trả từ ngày 25/05/2018.

- Nghị quyết số 23-NQ/PC3HP.Co-HĐQT của HĐQT ngày 15/08/2018 đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 của năm 2018 bằng tiền là 15%/cổ phiếu (tương ứng 14.250.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 06/09/2018 và thực hiện chi trả từ ngày 17/09/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán điện thương phẩm	84.333.924.622	100.518.577.803
Doanh thu bán phế liệu	7.752.728	-
Cộng	84.341.677.350	100.518.577.803

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn bán điện thương phẩm	26.910.601.121	29.394.963.870
Cộng	26.910.601.121	29.394.963.870

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.366.613.617	3.264.741.853
Cộng	3.366.613.617	3.264.741.853

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	338.515.640	440.342.201
Chi phí nhân viên quản lý	1.932.601.549	2.555.998.399
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	219.599.545	301.296.391
Các khoản khác	3.242.760.412	3.349.456.794
Cộng	5.733.477.146	6.647.093.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.061.371.790	67.741.262.001
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	447.205.455	1.135.320.000
- Điều chỉnh tăng	447.205.455	1.135.320.000
+ Chi phí không hợp lệ	75.205.455	746.820.000
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	372.000.000	388.500.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	55.508.577.245	68.876.582.001
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.281.720.178	3.934.799.128
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.281.720.178	3.933.474.128
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1.325.000

23. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.779.651.612	63.806.462.873
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.021.186.064)	(4.282.258.515)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	3.021.186.064	4.282.258.515
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.758.465.548	59.524.204.358
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	5.132	6.266

24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	756.808.516	1.621.588.095
Chi phí nhân công	9.771.527.581	10.893.271.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.263.293.432	4.292.627.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.294.640.968	5.275.230.755
Chi phí khác bằng tiền	8.574.213.636	13.960.665.384
Cộng	32.660.484.133	36.043.382.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

26. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng duy nhất của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	239.547.219	-	239.547.219
Chi phí phải trả	1.088.197.612	-	1.088.197.612
Phải trả khác	44.275.850	-	44.275.850
Cộng	1.372.020.681	-	1.372.020.681
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.036.306.824	-	2.036.306.824
Chi phí phải trả	982.724.660	-	982.724.660
Phải trả khác	42.617.600	-	42.617.600
Cộng	3.061.649.084	-	3.061.649.084

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.368.820.308	-	75.368.820.308
Phải thu khách hàng	10.776.215.459	-	10.776.215.459
Phải thu khác	615.975.151	-	615.975.151
Cộng	86.761.010.918	-	86.761.010.918
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.354.855.393	-	90.354.855.393
Phải thu khách hàng	9.827.665.108	-	9.827.665.108
Phải thu khác	1.221.091.689	-	1.221.091.689
Cộng	101.403.612.190	-	101.403.612.190

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán điện thương phẩm	84.333.924.622	100.518.577.803

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Phải thu khách hàng	10.776.215.459	9.827.665.108

d. Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018	Năm 2017
Hội đồng quản trị	456.000.000	456.000.000
Lương, thưởng Ban giám đốc	1.199.588.132	1.394.497.630

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 09/01/2019, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 3 của năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ là 20% và thực hiện chi trả từ ngày 21/01/2019.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc



Đắk Nông, ngày 22 tháng 03 năm 2019

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHIAM ĐOC



Nguyễn Sơn